

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20/8/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Đàm Thị Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 211/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ng - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Lê Đình C - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị Ngọc và anh Cường.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Ng trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới và được UBND xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/02/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc, liên tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm với bố mẹ chồng, chồng không có chính kiến, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau có lúc dẫn đến xô xát chị đã 04 lần bỏ về nhà mẹ

để ở và có lần viết đơn xin ly hôn sau đó lại thôi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vào ngày 17/6/2021 vợ chồng cãi nhau nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa cho đến nay từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh Lê Đình C.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Phương L, sinh ngày 23/10/2012, Lê Thị Song T, sinh ngày 16/12/2015 và Lê Đình Gia H, sinh ngày 11/6/2019. Hiện nay cháu L và T đang ở với anh C còn cháu H đang sống với chị. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là xin được nuôi cháu H, còn giao cháu L và T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập 5.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Đình C trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh thống nhất với cô Ng về thời gian và điều kiện kết hôn không có thắc mắc gì. Sau khi cưới vợ chồng cũng có một số khúc mắc, cãi cọ nhau, bất đồng quan điểm sống và về kinh tế, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung cô Ngọc đã 04 lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở sau đó anh lại đón về và cô Ng cũng một lần viết đơn ly hôn nhưng không nộp cho Tòa án. Từ ngày 17/6/2021 do vợ chồng cãi nhau nên cô Ngọc bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và ly thân từ đó đến nay. Tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với vợ nên anh không đồng ý ly hôn, mong vợ chồng đoàn tụ để vun vén gia đình, đối với các vấn đề mâu thuẫn sẽ cùng nhau khắc phục.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Phương L, sinh ngày 23/10/2012, Lê Thị Song T, sinh ngày 16/12/2015 và Lê Đình Gia H, sinh ngày 11/6/2019. Hiện nay cháu L và T đang ở với anh còn cháu H đang sống với cô Ng. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh là xin được nuôi cháu L và T, còn giao cháu H cho cô Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Hiện nay anh làm lao động tự do thu nhập 4 đến 5.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của chị Ng là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ng được ly hôn anh C; Về con chung, đề nghị giao cháu H cho chị Ng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu L và T cho anh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị Ng xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Cả chị Ng và anh C đều có địa chỉ cư trú tại xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Ng và anh Lê Đình C kết hôn với nhau năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Ng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ sau khi cưới do bất đồng ý kiến giữa chị và gia đình chồng, anh C không có chính kiến, nên vợ chồng thường hay cãi nhau có lúc xảy ra xô xát đã 04 lần chị bỏ về quê sinh sống, từ tháng 6/2021 chị không chịu đựng được đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nên đã ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau nên chị xin được ly hôn. Theo anh C, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lâu, có một số khúc mắc, cãi cọ nhau, bất đồng quan điểm sống và về kinh tế, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nay anh vẫn còn tình cảm với chị Ng nên anh không đồng ý ly hôn, mong vợ chồng đoàn tụ để vun vén gia đình.

Xét thấy: Anh C mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng qua lời khai của anh và chị Ng đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lâu, do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi cọ nhau, cả anh và chị đều khai thống nhất đã 04 lần chị Ng bỏ về mẹ đẻ ở và một lần làm đơn ly hôn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Theo xác minh tại địa phương thì chị Ng đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hoàng Cát, huyện Hoàng Hóa sinh sống, ngoài ra trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Cường cũng không đưa ra được phương án và cũng không trực tiếp gặp chị Ng trao đổi để mong vợ chồng đoàn tụ. Đến nay chị Ng vẫn tha thiết xin ly hôn, với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị Ng đã thực sự không còn tình cảm với anh C. Do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng và căn cứ Điều 56 Luật HN&GD xử cho chị Ng được ly hôn anh C là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Ng và anh C thống nhất có 03 con chung là Lê Thị Phương L, sinh ngày 23/10/2012; Lê Thị Song T sinh ngày 16/12/2015 và Lê Đình Gia H, sinh ngày 11/6/2019. Vợ chồng ly hôn, chị Ng và anh C thống nhất giao cháu H cho chị Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L và cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con của anh chị hoàn toàn chính đáng và phù hợp. Bởi cháu H hiện đang ở với mẹ và chưa đủ 36 tháng tuổi, còn cháu L và cháu T đang ở với anh C, nguyện vọng của cháu L cũng muốn ở với bố, hiện nay cả anh và chị đều chăm sóc các con tốt, anh chị có việc làm có thu nhập đủ khả năng nuôi dưỡng các con, ngoài ra cũng không cần thay đổi việc nuôi dưỡng con như hiện nay sẽ làm xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu. Do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận thống nhất của anh và chị. Áp dụng Điều 81 và 82 Luật HNGĐ giao cháu H cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L và cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích của các cháu và đảm bảo cho việc chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C và chị Ng đề nghị không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Do anh chị đều có việc làm và có thu nhập đủ sinh hoạt nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không buộc các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh C đều không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị Ng là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị Ng phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ng.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Ng và anh Lê Đình C.

2. Về nuôi con chung: Công nhận vợ chồng có 03 con chung là:

+ Lê Thị Phương L - Sinh ngày 23 tháng 10 năm 2012;

+ Lê Thị Song T - Sinh ngày 16 tháng 12 năm 2015;

+ Lê Đình Gia H - Sinh ngày 11 tháng 6 năm 2019.

2.1. Giao con chung Lê Đình Gia H, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2019 cho chị Phan Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung Lê Thị Phương L, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2012 và Lê Thị Song T, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2015 cho anh Lê Đình C trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Chị Ng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

2.3. Chị Ng, anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Ng và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Ng phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0001445 ngày 23/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị Ng đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ng và anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Đồng Tiến (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

